

MỐI QUAN HỆ VĂN HOÁ TRONG THỜI ĐẠI ĐÁ CŨ GIỮA NAM TRUNG QUỐC VÀ BẮC VIỆT NAM

TRÌNH NĂNG CHUNG*

Trong bối cảnh khảo cổ học Đông Nam Á, đã có nhiều tài liệu khẳng định mối giao lưu, tiếp xúc văn hoá nhiều chiều giữa khu vực Nam Trung Quốc với các vùng trong khu vực. Nhưng do vị trí địa lý tự nhiên, Bắc Việt Nam là nơi diễn ra nhiều đợt giao lưu sớm nhất và mạnh mẽ nhất. Đặc biệt là trong giai đoạn tiền sử khi mà con người không bị ràng buộc bởi môi trường xã hội, vào đường biên giới lịch sử. Sống trong một môi trường sinh thái chung rộng lớn, những cư dân tiền sử đã hình thành những mối liên hệ, giao lưu tự nhiên hoàn toàn tự nguyện chủ động. Trong quá trình tiếp xúc, họ đã trao và nhận ở nhau những yếu tố văn hoá, kỹ thuật cần thiết cho cuộc sống.

Có lẽ giáo sư Bùi Văn Trung là người đầu tiên đặt cơ sở cho việc nghiên cứu mối quan hệ văn hoá giữa một số di tích hang động Nam Trung Quốc với văn hoá thời đại đá Việt Nam. Năm 1935, sau khi phát hiện được 4 di chỉ hang ở huyện Quế Lâm

và Vũ Minh tỉnh Quảng Tây, ông cho rằng những di tích này mang nhiều đặc trưng gần gũi với những di tích Hoà Bình, Bắc Sơn ở Bắc Đông Dương, nơi phổ biến những kỹ ghê hạch cuội được ghè đẽo một mặt (12). Từ đó đến nay, tư liệu khảo cổ học tiền sử ở vùng Hoa Nam, Việt Nam và cả vùng Đông Nam Á càng phong phú, không ít nhà khảo cổ học Việt Nam và Trung Quốc khi nghiên cứu văn hoá tiền sử ở khu vực này đã đề cập đến mối quan hệ giữa Việt Nam, Đông Nam Á với khu vực Hoa Nam. (1; 3; 13; 16; 18; 19).

Trên cơ sở so sánh những tư liệu khảo cổ học hiện có ở Nam Trung Quốc với các giai đoạn văn hoá tiền sử Bắc Việt Nam, chúng tôi cố gắng nêu lên những đặc trưng văn hoá gần gũi cũng như mối quan hệ văn hoá giữa hai vùng.

I. GIAI ĐOẠN SƠ KỲ ĐÁ CŨ

Cho đến nay, sau những công cụ cuội ghè của người *Homo erectus* Nguyễn

* TS. Trình Năng Chung, Viện Khảo cổ học

Mưu, Bách Sắc vẫn được coi là văn hoá có niên đại cổ nhất khu vực Nam Trung Quốc. Những di vật đá đầu tiên của nền văn hoá này được biết đến từ cuối năm 1973, với 11 công cụ đầu tiên phát hiện trên thềm III và IV của sông Hữu ở thôn Thượng Tổng, huyện Bách Sắc, tỉnh Quảng Tây.

Từ đó cho đến những năm thập kỷ 90 của thế kỷ trước, các nhà khảo cổ học Trung Quốc đã tiến hành nhiều đợt điều tra, thám sát, khai quật nhiều địa điểm của nền văn hoá này. Cho đến nay đã thu lượm được hơn 8000 hiện vật ở gần 100 địa điểm phân bố dọc đôi bờ sông Hữu ở 5 huyện Bách Sắc, Điền Đông, Điền Dương, Bình Quả và Điền Lâm.

Đặc trưng nổi bật của bộ sưu tập Bách Sắc là loại hình công cụ rìu tay, công cụ chặt mũi nhọn, công cụ chặt thô và công cụ nạo được làm từ đá cuội có kích thước lớn. Kỹ thuật chế tác chủ yếu là ghè trên một mặt cuội, kỹ thuật ghè hai mặt cũng chiếm vị trí đáng kể trong sưu tập.

Do không phát hiện được hoá thạch người và động vật, nên việc xác định niên đại văn hoá Bách Sắc giữa các nhà khảo cổ học Trung Quốc rất khác nhau. Gần đây, qua nhiều lần khảo sát địa tầng các bậc thềm, phần lớn các nhà nghiên cứu đều cho những công cụ Bách Sắc nằm trong lớp đất đỏ gạch ở thềm bậc III, thềm IV sông Hữu có tuổi trung kỳ Cánh Tân; tương đương với di chỉ Chu Khẩu Điểm, và xếp nền văn hoá này thuộc sơ kỳ thời đại đá cũ (7; 8).

Mới đây, các nhà khảo cổ học Quảng Đông đã phát hiện được 38 địa điểm chứa

đồ đá cũ ở bậc thềm sông cổ II và III lưu vực sông Châu Giang. Theo đoán định bước đầu, các địa điểm trên có niên đại sơ kỳ đá cũ, có tuổi từ 150.000 năm đến 500.000 năm cách nay (14). Theo chúng tôi thì những công cụ ở Quảng Đông có nhiều đặc điểm giống với đồ đá Bách Sắc.

Một số nhà khảo cổ học Việt Nam ngay từ khi nền văn hoá Bách Sắc mới phát hiện đã liên hệ chúng với nền văn hoá Sơn Vi (5; 6). Gần đây, một số tác giả cũng nhận ra nhiều nét văn hoá gần gũi giữa văn hoá Bách Sắc và kỹ nghệ đá ở di chỉ Đồi Thông ở tỉnh Hà Giang, một tỉnh cực Bắc nước ta (10; 17)

Di tích Đồi Thông phân bố trên địa phận phường Trần Phú, thị xã Hà Giang, ở vị trí toạ độ $105^{\circ} 00'$ kinh Đông và $22^{\circ} 34'$ vĩ Bắc, cách địa điểm Bách Sắc khoảng 150 km theo đường chim bay về phía tây nam.

Toàn bộ di tích Đồi Thông nằm trên bậc thềm sông cổ, có thể là thềm bậc II của sông Lô. Nghiên cứu tài liệu địa tầng di chỉ Đồi Thông cho thấy những công cụ cuội ghè đẽo thô sơ phân bố trên bề mặt nền đá phiến và trong lớp đất đỏ nâu, dưới lớp phù sa sông màu vàng. Nền đá phiến được xem như bề mặt có tuổi Cánh tân sớm (Early Pleistocene). Và như vậy, công cụ cuội ghè đẽo Đồi Thông nằm trong địa tầng có tuổi địa chất thuộc trung kỳ Cánh tân muộn, đầu hậu kỳ Cánh Tân sớm (late Middle Pleistocene - early Late Pleistocene), cách nay trên dưới một trăm nghìn năm. Điều đáng lưu ý là, tầng đất chứa công cụ cuội ghè đẽo ở Đồi Thông không còn vết tích than tro, tàn tích động

thực vật.

Về địa hình cảnh quan khu vực Đồi Thông gần giống với địa hình sinh thái khu vực văn hoá Bách Sắc. Đó là dạng địa hình đồi gò núi đất, xen kẽ là những dải núi đá vôi với những dải đất bãi soi chạy dài dọc theo những con sông lớn.

Hiện vật dị chỉ Đồi Thông duy nhất là đồ đá. Tổng số hiện vật thu thập ở đây là 846 tiêu bản bao gồm những công cụ lao động như cuốc tay hình mũi nhọn, công cụ chặt đập thô sơ, nạo cắt v.v... Kỹ thuật gia công đá chủ đạo ở sưu tập Đồi Thông là kỹ thuật ghè đẽo, không có kỹ thuật mài, cưa, khoan (11).

Sưu tập Đồi Thông và sưu tập Bách Sắc có một số đặc điểm gần gũi nhau như đều sử dụng những hòn cuội to và nặng để làm công cụ; ít công cụ mảnh tước. Trong hai sưu tập, loại hình công cụ mũi nhọn, công cụ chặt rìu ngang giống nhau về kiểu dáng và cách thức chế tác. Điều đáng chú ý là cả hai sưu tập đều có một số lượng hiếm hoi công cụ mang dấu ấn kỹ thuật ghè một mặt chung quanh viên cuội.

Ngoài những điểm giống nhau, còn tồn tại một vài điểm khác nhau giữa hai sưu tập. Trong sưu tập Đồi Thông rất hiếm loại rìu tay, trong khi ở Bách Sắc, rìu tay được xem như một loại hình tiêu biểu. Trong sưu tập Bách Sắc, kỹ thuật ghè đẽo hai mặt chiếm vị trí đáng kể, còn ở Đồi Thông kỹ thuật này rất ít được sử dụng.

Từ phân tích, so sánh trên có thể dự đoán niên đại di tích Đồi Thông tương đương hoặc muộn hơn chút ít so với văn hoá Bách Sắc. Bước đầu, chúng tôi cho rằng, có thể Đồi Thông (Hà Giang) và

Bách Sắc (Quảng Tây) là hai trung tâm đá cũ, đá cuội ghè đẽo sớm nhất Bắc Việt Nam và Nam Trung Quốc. Cũng không loại trừ khả năng 2 trung tâm này phát triển đồng quy và có mối quan hệ chặt chẽ với nhau. Việc nghiên cứu sưu tập công cụ đá và xác định niên đại cho cả hai di tích Đồi Thông và Bách Sắc còn cần tiếp tục nhiều hơn nữa song mối quan hệ giữa chúng là có thể nhận ra(11).

Mặt khác, chúng ta cần chú ý đến vai trò của dòng sông Lô có khởi nguồn từ vùng rừng núi tây nam Trung Quốc chính là một trong những nhân tố tự nhiên tạo nên mối quan hệ đó.

II. GIAI ĐOẠN HẬU KỲ ĐÁ CŨ

ở Việt Nam, trong giai đoạn hậu kỳ đá cũ tồn tại 2 dòng kỹ nghệ chế tác công cụ đá: Kỹ nghệ Ngườm tiêu biểu cho dòng kỹ nghệ mảnh và văn hoá Sơn Vi đại diện cho dòng kỹ nghệ cuội ghè đẽo.

1. Kỹ nghệ Ngườm, lần đầu tiên được biết đến ở tỉnh Thái Nguyên, trong đó có 2 di tích tiêu biểu là di chỉ Mái đá Ngườm và hang Miệng Hồ (2; 3; 4; 15).

Di chỉ Mái đá Ngườm được phát hiện và đào thám sát năm 1980. Liên tiếp trong 2 năm 1981 và 1982, di chỉ được khai quật với quy mô lớn.

Địa tầng văn hoá của di chỉ Ngườm dày 1,45 m, được chia làm 3 tầng văn hoá phát triển kế tiếp nhau từ sớm đến muộn như sau:

Tầng văn hoá I ở độ sâu 1,20- 1,45 m, là tầng đất sét vôi màu vàng nhạt chứa một tổ hợp công cụ gồm chủ yếu là những mũi nhọn, dao, nạo làm từ những mảnh

tước cuối cùng một ít công cụ hạch cuội. Xương răng động vật ở đây đều bán hoá thạch, gồm đười ươi *Pongo sp.*, lợn Sus scrofa, nai *Rusa sp.*, nhím *Hystrix*... Niên đại C14 lấy ở nơi giáp ranh giữa tầng I và tầng II có tuổi 23.000 200 BP. Như vậy tầng văn hoá I có tuổi cổ hơn 23.000 năm cách nay.

Tầng văn hoá II ở độ sâu từ 0,60- 1,20 m, được cấu tạo từ đất sét vôi tối xốp màu xám nhạt chứa xương răng động vật chớm hoá thạch như đười ươi *Pongo sp.*, bò *Bos sp.*, lợn *Arctonyx collanis*, khỉ *Macaca sp.v.v.* Đã xuất hiện nhiều vỏ ốc núi, ít ốc suối. Công cụ đá khá phong phú, mảnh tước nhiều, song công cụ mảnh tước giảm nhiều so với giai đoạn trước. Công cụ ghè dẽo tăng lên. Tầng này có tuổi C14 là 23.000 năm cách nay.

Tầng văn hoá III, có độ dày trung bình 0,60 m là lớp đất sét vôi tối xốp, màu xám xẫm, chứa nhiều vỏ nhuyễn thể chủ yếu là ốc suối, một ít xương răng động vật và nhiều di vật đá. Niên đại C14 tầng này ở độ sâu 0,60 m là 19.040 400 BP và 18.600 200 BP.

Nhìn chung, 3 tầng văn hoá ở Ngườm phát triển liên tục, không bị ngăn cách bởi tầng vô sinh, nhưng có sự thay đổi khá rõ trong tổ hợp di vật và thành phần động vật từ Cánh Tân muộn đến đầu Toàn Tân.

Về tầng văn hoá dưới cùng (tầng I), các nhà nghiên cứu cho rằng tổ hợp di vật ở đây đặc trưng cho kỹ nghệ ít nhiều phân biệt với kỹ nghệ mảnh tước ở Đông Nam Á và chúng tạo nên một kỹ nghệ với đặc thù riêng: Kỹ nghệ Ngườm thuộc hậu kỳ đá cũ, có tuổi sớm hơn văn hoá Sơn Vi (2;

3). Diện mạo cơ bản của kỹ nghệ Ngườm được nhận biết bởi vai trò chủ thể của công cụ mảnh và của những kỹ nghệ chế tác mảnh. Theo ý kiến của một số nhà nghiên cứu, kỹ nghệ Ngườm có thể so sánh được với kỹ nghệ Bạch Liên Động ở Quảng Tây(2; 3; 15).

Trong kỹ nghệ Ngườm và Bạch Liên Động, ngoài số lượng lớn công cụ mảnh tước, còn tồn tại một số lượng nhất định công cụ hạch cuội, chúng đều là sản phẩm của kỹ thuật chế tác giống nhau. Xem xét diễn biến của loại hình công cụ, ta thấy cả hai nơi kỹ nghệ công cụ mảnh phát triển mạnh ở giai đoạn sớm nhưng suy giảm ở giai đoạn sau, thay vào đó là sự tăng trưởng dần của công cụ hạch cuội. Điểm kết thúc chung là sự hoà nhập vào con đường phát triển công cụ hạch cuội. Kỹ thuật Bạch Liên Động cắt khoanh cuội cũng có mặt tại Ngườm.

Hoạt động kiếm sống của cư dân Ngườm và Bạch Liên Động chủ yếu là săn bắt và hái lượm. Sự có mặt của những công cụ mũi nhọn nhỏ, đầu mũi tên bằng mảnh tước tìm thấy ở cả hai nơi là minh chứng cho sự phát triển của hoạt động săn bắt. Đối tượng săn bắt là những giống loài động vật hậu kỳ Cánh Tân bao gồm cả những giống loài đã bị tuyệt tích hay tuyệt diệt như đười ươi *Pongo* (ở Ngườm), voi răng kiếm *Stegodon*, gấu tre *Ailuropoda*, tê giác *Rhinoceros* (ở Bạch Liên Động).

Qua so sánh tài liệu giữa kỹ nghệ Ngườm và kỹ nghệ Bạch Liên Động từ nhiều góc độ khác nhau như: không gian cư trú và kiếm sống, điều kiện khí hậu,

đặc trưng kỹ nghệ, xu hướng phát triển và niên đại, chúng tôi cho rằng: Kỹ nghệ Ngườm và kỹ nghệ Bạch Liên Động là những kỹ nghệ mảnh tước có tuổi hậu kỳ Cánh Tân, xuất hiện trong điều kiện khí hậu khô lạnh. Giữa chúng có nhiều điểm tương đồng về diện mạo văn hoá và xu hướng phát triển của kỹ nghệ, về phương thức kiếm sống v.v... Điều này phản ánh giữa chúng có mối quan hệ gần gũi. Phải chăng do hoàn cảnh địa lý liền kề nhau và cùng chịu ảnh hưởng môi trường khí hậu như nhau, các cư dân Ngườm và Bạch Liên Động có chung một kiểu thích nghi với môi trường tự nhiên và một hệ quả tất nhiên là trong hành vi công cụ thể hiện mối tương đồng giữa kỹ nghệ Ngườm và Bạch Liên Động.

Mặt khác, cư dân cổ Ngườm và Bạch Liên Động do có tính di động cao và sống trong một vùng rộng có điều kiện sinh thái khí hậu gần giống nhau thì không có trở ngại nào ngăn cản việc giao lưu, trao đổi văn hoá giữa các bộ lạc, các miền đất xa nhau khi mà nhu cầu hoạt động săn bắt, hái lượm còn đóng vai trò quan trọng.

2. Văn hoá Sơn Vi là một văn hoá khảo cổ có niên đại hậu kỳ đá cũ, thuộc kỹ nghệ cuội ghè và là cội nguồn của văn hoá Hoà Bình. Niên đại văn hoá Sơn Vi tồn tại trong khung niên đại từ gần 30.000 năm đến 11.000 năm cách nay. Đến nay có hơn 200 địa điểm văn hoá Sơn Vi được phát hiện ở Việt Nam (6).

Cư dân văn hoá Sơn Vi là những người săn bắt hái lượm. Họ sinh cư rộng rãi trên các thềm sông cổ các con sông lớn, trên các vùng đồi gò miền trung du hoặc trong một số hang động đá vôi, kéo dài từ các tỉnh

miền núi biên giới phía Bắc, đến các tỉnh Trung Bộ. Trong một số hang động văn hoá Sơn Vi, các di tích hoá thạch động vật đều thuộc quần động vật Ailuropoda-Stegodon giống như vùng Hoa Nam đương thời.

Văn hoá Sơn Vi có diện mạo riêng, đặc thù riêng, phân biệt với các văn hoá cuội khác trong khu vực.

Điểm nổi bật trong tổ hợp công cụ đá văn hoá Sơn Vi là việc sử dụng đá cuội sông suối để chế tác công cụ. Kỹ thuật duy nhất của người Sơn vi là ghè đẽo đá để chế tác công cụ. Người Sơn Vi sử dụng tối đa hình dáng tự nhiên của hòn cuội để ghè một lớp, hay nhiều lớp tạo một rìa tác dụng hay nhiều rìa tác dụng. Kỹ thuật chế tác đặc trưng nhất là ghè trực tiếp hướng tâm, ghè hạn chế ở rìa cạnh viên cuội và trên một mặt cuội, giữ lại phần lớn vỏ cuội. Không phát triển gia công công cụ mảnh tước.

Loại hình công cụ Sơn Vi khá phong phú và đa dạng. Chúng bao gồm chủ yếu những hòn cuội được ghè theo chiều dọc, phần hai chiều dọc, chiều ngang, hai đầu hoặc xung quanh tạo thành loại hình múi cam, hình dẻ quạt, phần tư viên cuội, công cụ mũi nhọn. Hoàn toàn vắng mặt công cụ mài lưỡi kiểu Bắc Sơn và công cụ mảnh tước kiểu Ngườm.

So sánh những đặc trưng văn hoá giữa văn hoá Sơn Vi và kỹ nghệ cuội ghè ở Nam Trung Quốc, chúng tôi nhận thấy giữa chúng tồn tại nhiều điểm tương tự nhau về đặc điểm phân bố, cũng như kỹ thuật chế tác và loại hình công cụ.

Trong thời kỳ đầu nghiên cứu văn hoá

Sơn Vi, một số nhà nghiên cứu đã liên hệ những công cụ tìm thấy ở một số hang động Nam Trung Quốc với văn hoá Sơn Vi. Chẳng hạn như ở Kỳ Lân Sơn, huyện Lai Tân tìm thấy 1 công cụ rìu lưỡi dọc và 2 mảnh tước làm từ đá quartzite, kỹ thuật gia công thô sơ, tập trung ở một rìa cạnh viên cuội tạo thành rìa lưỡi sắc, niên đại hậu kỳ đá cũ. Công cụ Kỳ Lân Sơn rất giống công cụ dạng múi buôi của văn hoá Sơn Vi. ở vùng đông bắc Quảng Tây trong di chỉ khảo cổ học đá cũ hang số 6142 đã tìm thấy công cụ kiểu Sơn Vi trong tầng chứa hoá thạch quần động vật Ailuropoda- Stegodon (6).

Theo các tài liệu hiện biết vùng Lương Quảng đã phát hiện hàng chục địa điểm khảo cổ học hậu kỳ đá cũ, trong đó có nhiều di tích đã được khai quật, chúng ta có điều kiện hơn để đối sánh và phân tích mối quan hệ giữa hai vùng

Dưới góc độ kỹ thuật- hình thái công cụ, có thể hậu kỳ đá cũ Nam Trung Quốc tồn tại 2 dạng kỹ nghệ: kỹ nghệ công cụ mảnh và kỹ nghệ hạch cuội.

Với số lượng di tích áp đảo, kỹ nghệ cuội ghè kiểu Bảo Tích Nham chiếm chủ đạo ở khu vực này. Chúng gồm các di tích Bảo Tích Nham, Định Mô, Đông Nham, Cái Đầu, Hang Trâu, Trần Gia Nham, Hang Oải, cụm di tích Hạ Loan (ở tỉnh Quảng Tây), Độc Thạch Tử, Khuất Cái Nham, La Kết Nham, Đại Sa Nham và Chu Thất Nham (ở tỉnh Quảng Đông).

Các di tích này phân bố trên 2 loại hình di tích chính: Loại hình ngoài trời, đồi gò, thềm sông và loại hình hang động, mái đá.

Trong mấy năm trở lại đây, chúng tôi có cơ may được tiếp cận với các sưu tập đá cũ Nam Trung Quốc trong các Bảo tàng Quảng Tây như: Bách Sắc, Bảo Tích Nham, Cái Đầu, Sùng Tả, Hang Trâu. Nhận xét sơ bộ của chúng tôi về kỹ thuật- loại hình học ở các sưu tập này như sau:

Trong các sưu tập Bảo Tích Nham chúng tôi đã gặp một số công cụ cuội ghè chéo rìa lưỡi dọc viên cuội (side chopper) làm từ cuội hình bầu dục, thân khá dày. Công cụ được ghè nhiều lớp trông lên nhau, góc lưỡi lớn, trên bề mặt ghè còn nổi u nhọn. Có công cụ rìa lưỡi lồi, thẳng hoặc hơi lõm. Cũng trong sưu tập Bảo Tích Nham còn gặp công cụ hai rìa lưỡi ở hai đầu hẹp viên cuội, vết ghè trên một mặt, tạo 2 rìa lưỡi đối nhau. Theo chúng tôi, những công cụ này khá giống với công cụ văn hoá Sơn Vi.

Trong sưu tập Hang Trâu có một vài công cụ rìa lưỡi ngang (end chopper) loại thân dài, rìa lưỡi thường được ghè chéo khá cẩn thận giữa đầu trục ngắn ghè nhẹ bởi một lớp theo một hướng nhất định, còn 2 mép ngoài bởi những nhát ghè mạnh hơn, khiến cho rìa tác dụng tạo ra một đầu nhọn. Công cụ gọi lại hình mũi nhọn trong văn hoá Sơn Vi. Trong sưu tập hang Cái Đầu và Hang Oải. Chúng tôi đã gặp những công cụ rìa lưỡi ngang (end chopper) thân ngắn, với vết ghè tạo rìa tác dụng tiến sát đầu kia viên cuội, khiến công cụ có đốc cầm rất ngắn, góc lưỡi lớn. Loại công cụ này gọi lại hình "núm cuội" trong văn hoá Sơn Vi. Sưu tập công cụ đá ở Tân Châu cũng có một số nét gần gũi với Sơn Vi. Mới đây, tại vùng đồi gò Ngưu Phần Xung, thuộc huyện Ngô Châu đã

tìm thấy một sưu tập công cụ cuội ghè đẽo mang đặc điểm gắn gũi với công cụ văn hoá Sơn Vi (20).

Trên đất Quảng Đông cũng đã phát hiện một số hang động có công cụ cuội ghè mang phong cách kỹ nghệ Sơn Vi.

Những công cụ đặc trưng cho công cụ Sơn Vi còn gặp trong các di chỉ La Kết Nham, Kết Cái Nham (huyện Phong Khai), Chu Thất Nham (huyện Anh Đức), hang Đại Sa Nham huyện Hoài Tập (9). Đáng chú ý là loại hình công cụ rìa dọc dạng mũi bừa kiểu Sơn Vi tìm thấy khá phổ biến ở địa điểm Chu Thất Nham, La Kết Nham.

Tóm lại, những tư liệu khảo cổ học hậu kỳ đá cũ thuộc kỹ nghệ cuội ở hai tỉnh Quảng Đông và Quảng Tây vừa trình bày ở trên cho thấy rằng trên hai tỉnh cực Nam Trung Quốc giáp với Bắc Việt Nam đã tồn tại hai loại hình di tích: Di tích hang động và di tích ngoài trời thêm sông, đồi gò. Cả hai đều là những di tích chứa công cụ cuội ghè đẽo thô sơ, chủ yếu là ghè một mặt, vết ghè hạn chế ở rìa cạnh với các loại hình chủ yếu là chặt thô và nạo. Công cụ mảnh tước hiếm. Trong một số di chỉ có công cụ cuội, về loại hình và kỹ thuật chế tác gắn gũi với công cụ cuội đặc trưng của văn hoá Sơn Vi. Tuy nhiên, giữa chúng có một số điểm khác nhau: Kỹ thuật chặt bẻ và bổ cuội trong văn hoá Sơn Vi phổ biến hơn vùng Lương Quảng. Loại hình công cụ rìa dọc (side chopper) và phần tư viên cuội trong văn hoá Sơn Vi nổi trội hơn các sưu tập ở vùng Lương Quảng. Niên đại các di tích vùng Lương Quảng thuộc hậu kỳ Pleistocene tương đương với văn hoá Sơn Vi.

So sánh những đặc trưng giữa văn hoá Sơn Vi và kỹ nghệ cuội ghè Bảo Tích Nham ở Nam Trung Quốc, chúng tôi nhận thấy giữa chúng tồn tại nhiều điểm tương tự nhau về đặc điểm phân bố, cũng như kỹ thuật chế tác, loại hình công cụ, phương thức kiếm sống. Với số lượng di tích áp đảo, kỹ nghệ cuội ghè chiếm chủ đạo ở khu vực Nam Trung Quốc. Do cư trú cạnh nhau lâu đời, cư dân Sơn Vi đã có mối quan hệ, tiếp xúc với cư dân đương thời vùng Hoa Nam. Những bằng chứng khảo cổ tuy chưa nhiều, song chúng ta có thể ghi nhận những dấu ấn của văn hoá Sơn Vi trên vùng đất Lương Quảng.

Bằng những kết quả nghiên cứu của nhiều thế hệ các nhà khoa học, chúng ta đã chứng minh được vị trí cực kỳ quan trọng và ảnh hưởng mạnh mẽ của những nền văn hoá đá cũ như Bách Sắc, Ngườm, Bạch Liên Động, Sơn Vi, Bảo Tích Nham, v.v... trong việc nghiên cứu giao lưu văn hoá và dân cư trong khu vực Đông Nam Á thời tiền sử.

Nghiên cứu Nam Trung Quốc thời tiền sử, chúng ta thấy hơn ở đâu hết, những cư dân cổ ở khu vực này đã có truyền thống chế tác cuội từ rất xa xưa và bền vững ngay từ buổi bình minh của lịch sử. Đặc trưng này khiến cho diện mạo văn hoá tiền sử vùng Hoa Nam khác với vùng Hoa Bắc, nơi mà kỹ nghệ mảnh nạm trị khá bền vững trong suốt thời đại đá. Truyền thống kỹ nghệ cuội này cũng là đặc trưng có tính tiêu biểu của văn hoá thời đại đá cũ Đông Nam Á. Điều này làm cho văn hoá tiền sử Hoa Nam xích gần với Đông Nam Á tiền sử. Có thể coi Nam Trung Quốc là một bộ phận khăng khít,

rất quan trọng của văn hoá Đông Nam Á thời tiền sử./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Hà Nãi Hán 1991: *Sơ bộ bàn về mối quan hệ giữa văn hoá Hoà Bình, văn hoá Bắc Sơn ở Việt Nam với văn hoá sơ kỳ đá mới, đá giữa vùng Lĩnh Nam*. Trong Tập luận văn kỷ niệm 30 năm phát hiện di chỉ Hoàng Nham Động. Quảng Châu. 1991. (Chữ Trung Quốc)
2. Hà Văn Tấn. 1986: *Kỹ nghệ Ngườm trong phối cảnh rộng hơn*. Khảo cổ học, số 3, tr.3-10.
3. Hà Văn Tấn. 1990: *Ngườm, Lang Rongien và Bạch Liên Động*. Những phát hiện mới khảo cổ học 1990, Nxb Khoa học Xã hội, tr.45-48.
4. Hà Văn Tấn (chủ biên). 1998: *Khảo cổ học Việt Nam - Tập I. Thời đại đá Việt Nam*. Nxb Khoa học xã hội. Hà Nội. 1998.
5. Hà Văn Tấn, Nguyễn Khắc Sử. 1978: *Văn hoá Sơn Vi mười năm sau khi phát hiện*. Khảo cổ học, số 4. tr. 37-50.
6. Hà Văn Tấn- Nguyễn Khắc Sử- Trình Năng Chung. 1999: *Văn hoá Sơn Vi*. Nxb Khoa học xã hội. Hà Nội.
7. Hoàng Khải Thiện 2003: *Đồ đá cũ Bách Sắc*. Văn vật xuất bản xã. 2003. (Chữ Trung Quốc).
8. Huang Wei Wen 1989: *The Early Palaeolithic of China*. The Quaternary Research. Vol 28, No 1, pp. 237 - 242.
9. Ngô Tân Trí 1962: *Thông báo sơ bộ điều tra khu vực đông bắc Quảng Tây*. Động vật cổ có xương sống và người cổ quyển 6, kỳ 4: 408-413(Chữ Trung Quốc).
10. Nguyễn Khắc Sử và Trương Việt Thắng. 1993: *Di chỉ Đồi Thông (Hà Giang) sau 5 năm nghiên cứu (1989 - 1993)*. Những phát hiện mới khảo cổ học 1993. Nxb Khoa học Xã hội, tr.40 - 42.
11. Nguyễn Khắc Sử, Trình Năng Chung... 2000: *Hà Giang thời tiền sử*. Hà Giang. 2000
12. Pei W.C. 1935: *On a Mesolithic (?) industry of the caves of Kwangsi*. BGSC. Vol XIV, No 3 - 1935, pp.393 - 412.
13. Tạ Quang Mậu 1991: *Mối quan hệ đồ đá cũ Bách Sắc với sơ kỳ đá cũ ở Nam Á và Đông Nam Á*. Nam phương dân tộc khảo cổ số 3, 1991. (Chữ Trung Quốc)
14. Tăng Tường Vượng 1996 : *Di tồn đá cũ phát hiện trên thềm sông cổ ở lưu vực sông Châu Giang, Quảng Đông*. Tạp san Bảo tàng tỉnh Quảng Đông. Nhà xuất bản Nhân dân Quảng Đông. 1996: 10- 23. (Chữ Trung Quốc).
15. Trình Năng Chung 1996: *Các di tích hậu kỳ đá cũ và sơ kỳ đá mới ở Quảng Tây Trung Quốc trong mối quan hệ với Bắc Việt Nam*. Luận án Phó tiến sĩ lịch sử. Hà Nội.
16. Trình Năng Chung 2004: *Mối quan hệ văn hoá tiền sử giữa Bắc Việt Nam và Nam Trung Quốc*. Trong Một thế kỷ Khảo cổ học Việt Nam. Tập 1. Nhà xuất bản khoa học xã hội, 2004, tr. 83-103.
17. Trình Năng Chung, Bùi Vinh 1995: *Phát hiện thêm một địa điểm đá cũ Hà Giang-Đôi điều suy nghĩ*. Những phát hiện mới khảo cổ học 1995. Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội, tr. 58-60.
18. Trương Quang Trực 1994: *Khảo cổ học vùng duyên hải đông nam Trung Quốc và vấn đề nguồn gốc ngữ tộc Nam Đảo*. Trong nghiên cứu văn hoá cổ ở Nam Trung Quốc và vùng lân cận. Trung văn đại học xuất bản xã. 1994. (Chữ Trung Quốc)
19. Tưởng Viễn Kim 2006: *Nghiên cứu so sánh văn hoá giai đoạn quá độ từ thời đại đá mới của văn hoá Bạch Liên Động và khu vực Đông Nam Á*. Trong Quảng Tây khảo cổ văn tập, tập 2. Khoa học xuất bản xã, Bắc Kinh 2006.
20. Viện Khảo cổ học, Viện khoa học xã hội Trung Quốc 1997: *Báo cáo sơ bộ điều tra khảo cổ học thời đại đồ đá Quảng Tây năm 1996*. Khảo cổ, số 10 : 15-35.(Chữ Trung Quốc)